

VIỆT NAM TRONG TÁI CẤU TRÚC CHUỖI CUNG ỨNG ĐÔNG Á DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA CẠNH TRANH CHIẾN LƯỢC MỸ–TRUNG (2018–2025)*

Trần Nam Trung*

Bài viết phân tích vị trí của Việt Nam trong quá trình tái cấu trúc chuỗi cung ứng Đông Á dưới tác động của cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung giai đoạn 2018–2025. Trên cơ sở vận dụng phương pháp lịch sử, phân tích so sánh và đối chiếu số liệu thương mại, đầu tư, giá trị gia tăng từ các nguồn chính thức, nghiên cứu phân biệt giữa “tái phân bổ thương mại” và “định tuyến lại thương mại”. Kết quả cho thấy Việt Nam đã dần chuyển từ một điểm đến “China+1” sang nền kinh tế kết nối giữa nguồn cung đầu vào Đông Á và thị trường Hoa Kỳ; giá trị gia tăng nội địa trong một số nhóm hàng chiến lược đã tăng, quy mô sản xuất, xuất khẩu và việc làm được mở rộng. Tuy nhiên, lợi ích này chưa đồng nghĩa với việc nâng cấp bền vững do nhập khẩu đầu vào từ Trung Quốc tăng nhanh, liên kết giữa khu vực FDI và doanh nghiệp trong nước còn yếu, trong khi rủi ro nguồn gốc xuất xứ, thuế quan, kiểm soát công nghệ và tiêu chuẩn xanh gia tăng. Bài viết đề xuất cần chuyển trọng tâm chính sách từ thu hút dòng vốn dịch chuyển sang xây dựng năng lực sản xuất trong ngành công nghiệp hỗ trợ, nâng cao giá trị chuỗi cung ứng trong nước, đa dạng hóa có chọn lọc và nâng cao tự chủ công nghệ.

Từ khóa: Cạnh tranh chiến lược; chuỗi cung ứng; Đông Á; Mỹ–Trung; Việt Nam.

1. Giới thiệu

Từ cuối thế kỷ XX đến trước năm 2018, mạng lưới sản xuất Đông Á phát triển chủ yếu theo logic hiệu quả: Trung Quốc giữ vai trò *công xưởng thế giới*; Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan là những nhà cung cấp công nghệ, vốn và linh kiện; các nền kinh tế ASEAN đảm nhiệm những công đoạn sản xuất, gia công do có lợi thế về lao động giá rẻ, nguồn tài nguyên và vị trí địa kinh tế. Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung bùng phát năm 2018 đã làm thay đổi logic đó. Việc Hoa Kỳ áp thuế bổ sung 25% đối với khoảng 50 tỷ USD hàng Trung Quốc, sau đó mở rộng danh mục sang khoảng 200 tỷ USD, đánh dấu sự chuyển dịch từ tranh chấp thương mại sang cạnh tranh về công nghệ, năng lực sản xuất và an ninh kinh tế¹. Các biện pháp kiểm soát xuất khẩu chip tiên tiến và thiết bị sản xuất bán dẫn năm 2022 tiếp tục đưa công nghệ lõi vào trung tâm cạnh tranh chiến lược².

* Bài viết là sản phẩm của nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở năm 2026: “Quan hệ thương mại hàng hóa Việt Nam – Trung Quốc dưới tác động của Chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương của Hoa Kỳ (2021 – 2024)” do Viện Sử học chủ trì.

* Tiến sĩ, Viện Sử học - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

¹ United States Trade Representative, “*USTR Issues Tariffs on Chinese Products in Response to Unfair Trade Practices*”, 15/6/2018, <https://ustr.gov/about-us/policy-offices/press-office/press-releases/2018/june/ustr-issues-tariffs-chinese-products>; Robert Lighthizer, “*Statement by U.S. Trade Representative on Section 301 Action*”, 10/7/2018, <https://ustr.gov/about-us/policy-offices/press-office/press-releases/2018/july/statement-us-trade-representative> (truy cập 13/8/2026).

² U.S. Department of Commerce, Bureau of Industry and Security, “*Commerce Implements New Export Controls on Advanced Computing and Semiconductor Manufacturing Items to the People’s Republic of China*”, 7/10/2022, <https://www.bis.gov/press-release/commerce-implements-new-export-controls-advanced-computing-semiconductor-manufacturing-items-peoples> (truy cập 13/8/2026).

Các doanh nghiệp đa quốc gia không rời bỏ hoàn toàn Trung Quốc mà dịch chuyển một phần dây chuyền, cơ sở sản xuất và nhà cung cấp sang quốc gia là đồng minh, đối tác của Mỹ và các nước thuộc hệ thống công nghệ phương Tây. Đại dịch Covid-19 cùng yêu cầu về khả năng chống chịu, giảm phát thải và truy xuất nguồn gốc thúc đẩy mô hình “China+1”, “friend-shoring” và “de-risking”. Đến năm 2025, chính sách thuế đối ứng của Hoa Kỳ cho thấy cả các nền kinh tế kết nối cũng có thể trở thành đối tượng điều chỉnh. Khuôn khổ thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ tháng 10/2025 duy trì mức thuế đối ứng 20% đối với hàng có xuất xứ Việt Nam, đồng thời nhấn mạnh chống lẫn tránh thuế và an ninh, an toàn trong chuỗi cung ứng³.

Việt Nam nổi lên nhờ vị trí địa lý liền kề với Trung Quốc, sự ổn định chính trị, mạng lưới FTA và năng lực sản xuất đã hình thành. Song, xuất khẩu sang Hoa Kỳ tăng trưởng cũng đồng thời với sự gia tăng nhập khẩu đầu vào từ Trung Quốc đặt ra câu hỏi: Việt Nam đang nâng cấp hay chủ yếu là điểm trung chuyển và lắp ráp? Bài viết tập trung làm rõ việc *tái phân bố sản xuất thực chất*, nhưng lợi ích mang tính “hai tầng”, quy mô và giá trị gia tăng nội địa tăng của một số ngành, trong khi phụ thuộc đầu vào, công nghệ và khu vực FDI vẫn làm gia tăng tính dễ tổn thương.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

Khung phân tích dựa trên sự kết hợp ba quan điểm chính. *Thứ nhất*, phụ thuộc lẫn nhau không đồng nghĩa với cân bằng; chính sự bất đối xứng về mức độ phụ thuộc mới tạo ra nguồn lực mặc cả. *Thứ hai*, độ nhạy chỉ mức độ một thay đổi ở bên ngoài nhanh chóng gây chi phí trong khuôn khổ chính sách hiện có. *Thứ ba*, tính dễ tổn thương phản ánh chi phí còn lại sau khi chủ thể đã thay đổi chính sách và tìm phương án thay thế; vì vậy, đây là chiều cạnh có ý nghĩa chiến lược hơn⁴. Phân biệt này giúp tránh hai cực đoan: coi mọi tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam là nâng cấp, hoặc coi mọi liên hệ nhập khẩu Trung Quốc - xuất khẩu Hoa Kỳ là chuyển tải.

Nghiên cứu áp dụng phương pháp lịch sử để chia giai đoạn 2018–2025 theo các cú sốc chính sách; phương pháp so sánh để đối chiếu xu hướng trước và sau năm 2018; và phân tích thống kê mô tả đối với thương mại, FDI, giá trị gia tăng và việc làm. Nguồn gồm báo cáo của Bộ Công Thương, Cục Thống kê, văn bản chính phủ Việt Nam, USTR, BIS, IMF, Ngân hàng Thế giới và những nhận định của học giả Trung Quốc. Các kết luận được kiểm tra chéo giữa số liệu kim ngạch và bằng chứng giá trị gia tăng nhằm hạn chế việc suy diễn quan hệ nhân quả từ biến động thương mại đơn thuần.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Từ chiến tranh thuế quan đến tái cấu trúc theo an ninh kinh tế

Có thể nhận diện ba giai đoạn tái cấu trúc. Cụ thể:

³ The White House, “Joint Statement on a United States–Viet Nam Framework for an Agreement on Reciprocal, Fair, and Balanced Trade”, 26/10/2025, <https://www.whitehouse.gov/briefings-statements/2025/10/joint-statement-on-united-states-vietnam-framework-for-an-agreement-on-reciprocal-fair-and-balanced-trade/> (truy cập 13/8/2026).

⁴ Robert O. Keohane - Joseph S. Nye, Jr., *Power and Interdependence*, 4th ed., Longman, Boston, 2012, pp. 9–16.

- *Giai đoạn 2018 - 2019, khởi nguồn từ thuế quan.* Doanh nghiệp điều chỉnh nơi lắp ráp cuối cùng, chuyển một phần đơn hàng và đầu tư sang Việt Nam, Mexico và một số nước ASEAN. Nghiên cứu sử dụng dữ liệu khoảng 30 nghìn doanh nghiệp Việt Nam cho thấy thuế Hoa Kỳ áp lên hàng Trung Quốc đã mở rộng số chủng loại hàng Việt Nam xuất sang Hoa Kỳ; những doanh nghiệp chịu “cú hích cơ hội” tương ứng với mức thuế trên 15% tạo thêm khoảng 5% việc làm, trong đó việc làm nữ tăng mạnh hơn⁵. Đây là bằng chứng lợi ích thực, không chỉ là thay đổi thống kê tại cửa khẩu;

- *Giai đoạn 2020 - 2022, chịu tác động đồng thời của Covid-19 và cạnh tranh công nghệ.* Sự đứt gãy logistics và khan hiếm bán dẫn làm “hiệu quả chi phí” nhường chỗ cho “khả năng chống chịu”. Hoa Kỳ, EU và Nhật Bản tích cực thúc đẩy, dịch chuyển chuỗi sản xuất nhằm đa dạng hóa nguồn cung⁶, nhưng quá trình diễn ra tuần tự từng bước do Trung Quốc có thể mạnh vẫn vượt trội về hạ tầng sản xuất, logistics, lao động kỹ năng và thị trường⁷;

- *Giai đoạn 2023 - 2025, các nước đi vào thể chế hóa an ninh kinh tế.* Địa điểm, nguồn công nghệ và nguy cơ chế tài trở thành tiêu chí tổ chức chuỗi. Sau năm 2022, thương mại và số dự án FDI giữa các khối địa chính trị giảm tương đối khoảng 12% và 20% so với luồng nội khối⁸. Các nền kinh tế “không liên kết” thành cầu nối, song dễ tổn thương nếu xuất khẩu vẫn phụ thuộc vào đầu vào Trung Quốc. Năm 2025 trở thành dấu mốc bước ngoặt đối với Việt Nam, khi thuế đối ứng của Hoa Kỳ làm suy giảm giả định về sự chuyển cơ sở sản xuất, cung ứng... sang một nước thứ ba nhằm bảo đảm hàng hóa tiếp cận thị trường Mỹ. Sự khác biệt giữa hàng “sản xuất tại Việt Nam” và hàng “có giá trị, công nghệ, xuất xứ thực chất của Việt Nam” trở nên quan trọng. Do đó, tái cấu trúc chuỗi cung ứng chuyển từ bài toán địa điểm sang bài toán *quản trị nguồn gốc, công nghệ và liên kết nhà cung cấp*.

3.2. Việt Nam từ điểm đến “China+1” đến nền kinh tế kết nối

Dữ liệu thương mại thể hiện cấu trúc kết nối hai chiều. Năm 2024, tổng kim ngạch thương mại song phương Việt Nam - Trung Quốc đạt 205,2 tỷ USD; Việt Nam xuất khẩu 61,2 tỷ USD nhưng nhập khẩu 144 tỷ USD, nhập siêu 82,8 tỷ USD. Các mặt hàng nhập khẩu lớn gồm máy tính, điện tử và linh kiện 34,6 tỷ USD; máy móc, thiết bị 29 tỷ USD; vải 10 tỷ USD; điện thoại và linh kiện 9 tỷ USD⁹. Cùng thời điểm, thương mại Việt Nam–Hoa Kỳ đạt 134,6 tỷ USD; Việt Nam xuất khẩu 119,5 tỷ USD, nhập khẩu 15,1 tỷ USD và

⁵ Lorenzo Rotunno, Sanchari Roy, Anri Sakakibara và Pierre-Louis Vézina, *Trade Policy and Jobs in Vietnam: The Unintended Consequences of US-China Trade Tensions*, IMF Working Paper WP/24/263 (Washington, D.C.: IMF, 2024), tr. 1–3, <https://www.imf.org/-/media/files/publications/wp/2024/english/wpia2024263-print-pdf.pdf>.

⁶ Bộ Công Thương, *Báo cáo Xuất nhập khẩu Việt Nam 2021* (Hà Nội: Nxb Công Thương, 2022), tr. 10–12; bản điện tử trong Thư viện: 14. baocaoxnk2021.pdf.

⁷ Lê Trung Kiên và Nguyễn Việt Lâm, *Cạnh tranh công nghệ Mỹ–Trung Quốc thời đại 4.0* (Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, 2021), tr. 185–186; bản điện tử trong Thư viện: 113. Cạnh tranh công nghệ Mỹ - Trung thời đại 4.0_Nguyễn Việt Lâm, Lê Trung Kiên.pdf, tr. 186–187 của tệp PDF.

⁸ Gita Gopinath, Pierre-Olivier Gourinchas, Andrea F. Presbitero và Petia Topalova, *Changing Global Linkages: A New Cold War?*, IMF Working Paper WP/24/76 (Washington, D.C.: IMF, 2024), tr. 3, 8–10, <https://www.imf.org/-/media/files/publications/wp/2024/english/wpia2024076-print-pdf.pdf>.

⁹ Bộ Công Thương, *Báo cáo Xuất nhập khẩu Việt Nam 2024*, NXB Công thương, Hà Nội, 2025, tr. 64–65.

thặng dư 104,4 tỷ USD¹⁰. Cấu trúc “nhập khẩu đầu vào từ Trung Quốc - sản xuất tại Việt Nam - xuất khẩu thành phẩm sang Hoa Kỳ” vì thế trở thành đặc trưng nổi bật. Tuy nhiên, đặc trưng đó không đồng nghĩa với những chuyển tải đơn thuần. Phân tích giá trị gia tăng của IMF cho thấy trong nhóm điện tử - máy móc, tỷ trọng giá trị gia tăng nội địa trong xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ cao hơn phần thực tế tổng hợp 6 điểm phần trăm năm 2018 và hơn 10 điểm năm 2022; đối với các sản phẩm hóa dầu, hóa chất và khoáng sản phi kim loại, mức chênh lệch là 7 và gần 12 điểm phần trăm. Đồng thời, tỷ trọng giá trị gia tăng từ Trung Quốc giảm và không có bằng chứng về định tuyến lại hàng hóa trên quy mô đáng kể¹¹. Nói cách khác, Việt Nam đã có sự chuyển biến thực trong khâu mở rộng sản xuất, trong khi doanh nghiệp Trung Quốc cũng tái cơ cấu một phần năng lực bằng hình thức đầu tư trực tiếp vào Việt Nam.

Từ những số liệu và phân tích trên, chúng ta có thể làm rõ một nhận định thường bị hiểu chưa đúng – *sự dịch chuyển chuỗi cung ứng không đồng nghĩa với tách rời Trung Quốc; trong nhiều trường hợp, đó là phân bổ lại các công đoạn trong cùng mạng lưới Đông Á*. Trung Quốc vẫn là nguồn cung cấp chủ yếu nguyên liệu, máy móc và linh kiện; Việt Nam tiếp tục đảm nhiệm ngày càng nhiều khâu, như sản xuất, kiểm định và lắp ráp; Hoa Kỳ vẫn là thị trường tiêu thụ sản phẩm cuối cùng. Sự dịch chuyển vì thế vừa làm giảm tỷ trọng hàng hóa xuất khẩu trực tiếp từ Trung Quốc sang Hoa Kỳ, vừa có thể làm sâu sắc hơn quan hệ đầu vào Trung Quốc–ASEAN. Nhiều nghiên cứu của Trung Quốc về hợp tác năng lực sản xuất Việt Nam – Trung Quốc đều chung nhận định về tính bổ sung này: để hình thành năng lực xuất khẩu các sản phẩm dệt may, giày dép và điện tử, Việt Nam cần nhập lượng lớn nguyên phụ liệu, linh kiện và thiết bị sản xuất từ Trung Quốc; riêng ngành dệt may có năng lực may và xuất khẩu lớn nhưng vải, phụ liệu ngành may mặc ... vẫn phụ thuộc đáng kể vào nhập khẩu, đặc biệt từ Trung Quốc¹². Điều đáng chú ý là đầu tư của các doanh nghiệp Trung Quốc vào lĩnh vực sợi, dệt, nhuộm, điện tử và khu công nghiệp có thể giúp khóa lấp một phần khoảng trống nhu cầu nguyên phụ liệu đầu vào cho nền sản xuất tại Việt Nam, nhưng đồng thời nó cũng có nghĩa là sẽ tái tạo sự phụ thuộc theo hình thức mới nếu công nghệ, nhà cung cấp một và quyết định thị trường vẫn nằm ngoài tầm kiểm soát của các doanh nghiệp Việt Nam.

3.3. Thành quả: mở rộng quy mô, đa dạng đối tác và gia tăng giá trị trong nước

Lợi ích rõ nhất là quy mô sản xuất và thương mại của Việt Nam. Năm 2024, xuất khẩu nhóm công nghiệp chế biến đạt 343,7 tỷ USD, chiếm gần 85% tổng giá trị xuất khẩu. Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt 72,6 tỷ USD, tăng 26,6%; trong đó máy tính và thiết bị điện tử đạt 35,6 tỷ USD, tăng 50,1%. Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường tiêu thụ lớn nhất của nhóm này hàng hóa này với 23,2 tỷ USD¹³. Điều đó là sự phản ánh thực tế, các cụm sản xuất lớn gắn với mạng lưới các nhà cung cấp đến từ Đông Á. Đến năm 2025, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam đạt 930,05 tỷ USD, tăng 18,2%; trong

¹⁰ Bộ Công Thương, *Báo cáo Xuất nhập khẩu Việt Nam 2024*, sđd, tr. 114–115.

¹¹ Tatjana Schulze và Weining Xin, *Demystifying Trade Patterns in a Fragmenting World*, tr. 14–15, 26–27, <https://www.imf.org/-/media/files/publications/wp/2025/english/wp2025129-print-pdf.pdf>.

¹² 金丹: 《“一带一路”背景下中越产能合作研究》, 《技术经济与管理研究》, 2018年第8期, 第119–120页.

¹³ Bộ Công Thương, *Báo cáo Xuất nhập khẩu Việt Nam 2024*, sđd, tr. 31.

đó xuất khẩu đạt 475,04 tỷ USD và nhập khẩu 455,01 tỷ USD. Hoa Kỳ duy trì là thị trường xuất khẩu lớn nhất với 153,2 tỷ USD, còn Trung Quốc là nguồn nhập khẩu lớn nhất với 186 tỷ USD. Giá trị xuất khẩu tại khu vực FDI chiếm 77,3% xuất khẩu¹⁴. Thành tích này cho thấy Việt Nam đã trở thành mắt xích có quy mô hệ thống, chứ không còn là địa điểm gia công cận biên. Khả năng nâng cấp cũng bắt đầu xuất hiện qua kiểm thử, đóng gói hàng hóa bán dẫn, thiết kế điện tử, logistics và dịch vụ kỹ thuật. Chiến lược bán dẫn năm 2024 đặt mục tiêu đến năm 2030 doanh thu trên 50 tỷ USD/năm và giá trị gia tăng tại Việt Nam đạt 15–20%, qua đó chuyển trọng tâm từ số lượng dự án FDI sang chất lượng công nghệ của dòng vốn này¹⁵.

3.4. Giới hạn cấu trúc và các rủi ro mới

Thứ nhất, sự phụ thuộc đầu vào. Năm 2024, nhập khẩu máy tính, thiết bị điện tử và linh kiện đạt 107,1 tỷ USD, lớn hơn đáng kể kim ngạch xuất khẩu cùng nhóm; riêng nhập khẩu từ Trung Quốc đạt 34,6 tỷ USD, tăng 47,7%¹⁶. Trong ngành dệt may, năm 2021 Trung Quốc cung cấp 63,3% vải và 56,6% xơ, sợi nhập khẩu của Việt Nam¹⁷. Khi tỷ lệ nguyên liệu đầu vào tập trung cao, gián đoạn biên giới, kiểm soát công nghệ, biến động tỷ giá hoặc thay đổi quy tắc xuất xứ có thể tác động nhanh chóng vào nền sản xuất Việt Nam.

Thứ hai, cấu trúc kinh tế hai khu vực. Doanh nghiệp nước ngoài chiếm 73% tổng xuất khẩu; tỷ lệ doanh nghiệp có liên kết với chuỗi giá trị toàn cầu giảm từ 35% năm 2009 xuống 18% năm 2023. Xuất khẩu vẫn tập trung vào lắp ráp cuối cùng; dịch vụ chỉ chiếm 12% giá trị xuất khẩu và 7% trong xuất khẩu chế tạo¹⁸. Tăng kim ngạch xuất khẩu vì thế chưa tự động lan tỏa thành năng suất lao động và công nghệ cho doanh nghiệp trong nước.

Thứ ba, rủi ro thương mại và xuất xứ. Thặng dư thương mại 104,4 tỷ USD với Hoa Kỳ năm 2024 làm Việt Nam chịu áp lực về giám sát lớn hơn về lẫn tránh mức thuế và hàm lượng xuất xứ từ Trung Quốc. Từ năm 2025, chứng minh những chuyển đổi cơ bản, nguồn gốc linh kiện và giá trị nội địa trở thành điều kiện tiếp cận thị trường; công đoạn tối thiểu có thể làm mất lợi thế thuế quan của cả cụm ngành.

Thứ tư, phân mảnh công nghệ. Chính sách kiểm soát chip, phần mềm thiết kế, thiết bị chế tạo và dữ liệu đặt doanh nghiệp trước nhiều hệ tiêu chuẩn. Việt Nam khó có năng lực thay thế công nghệ lõi của Hoa Kỳ và các đối tác Đông Á, nhưng cũng khó tách khỏi

¹⁴ Cục Thống kê: “Báo cáo tình hình kinh tế – xã hội quý IV và năm 2025”, 5/1/2026, mục 10, <https://www.nso.gov.vn/bai-top/2026/01/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2025/> (truy cập 13/8/2026).

¹⁵ Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1018/QĐ-TTg ngày 21/9/2024 ban hành *Chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn 2050*, <https://congbao.chinhphu.vn/van-ban/quyet-dinh-so-1018-qd-ttg-42797.htm> (truy cập 13/8/2026).

¹⁶ Bộ Công Thương, *Báo cáo Xuất nhập khẩu Việt Nam 2024*, tr. 51; bản điện tử trong Thư viện: 166. *bao-cao-xnk-vn-2024-1534_compressed.pdf*, tr. 53 của tệp PDF.

¹⁷ Bộ Công Thương, *Báo cáo Xuất nhập khẩu Việt Nam 2021*, tr. 64–65; bản điện tử trong Thư viện: 14. *baocaonk2021.pdf*.

¹⁸ World Bank: “Viet Nam 2045: Trading Up in a Changing World—Pathways to a High-Income Future”, Washington, D.C.: World Bank, 2024, tr. 13–15, <https://documents1.worldbank.org/curated/en/099111424204523679/pdf/P1787841e077190d919b24181b4dcb14765.pdf>.

thiết bị, vật tư Trung Quốc. Chi phí điều chỉnh cao tạo nên “tính dễ tổn thương” trong phụ thuộc bất đối xứng.

Cuối cùng, giới hạn trong nước. Tình trạng thiếu lao động kỹ thuật cao, hạ tầng điện và logistics chưa đồng bộ, công nghiệp hỗ trợ phân tán, tài chính cho nhà cung cấp nhỏ còn hạn chế, tiêu chuẩn môi trường ngày càng nghiêm ngặt. Ngân hàng Thế giới lưu ý giá trị gia tăng nội địa trong sản phẩm điện tử còn nông và nhiều linh kiện có nguồn gốc Trung Quốc¹⁹. Nếu không khắc phục, Việt Nam có thể tăng sản lượng nhưng bị “khóa” ở vị trí lắp ráp, cạnh tranh bằng ưu đãi và lao động thay vì tri thức.

4. Kết luận và đề xuất chính sách

Nhìn từ lịch sử mạng lưới sản xuất tại khu vực Đông Á giai đoạn 2018–2025 không phải sự tan rã của toàn cầu hóa mà là chuyển từ tối ưu hiệu quả sang liên kết có điều kiện bởi an ninh và công nghệ. Sản xuất, cung ứng hàng hóa của Trung Quốc không biến mất, mà vai trò của nước này chuyển một phần từ lắp ráp công đoạn cuối sang cung cấp nguồn nguyên liệu, máy móc, vật tư, linh kiện đầu vào, vốn và năng lực sản xuất được quốc tế hóa. Việt Nam không thay thế Trung Quốc, mà trở thành điểm nối mới giữa sản xuất Đông Á và thị trường Hoa Kỳ. Bằng chứng giá trị gia tăng cho phép bác bỏ cách nhìn coi toàn bộ tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam là chuyển tải. Tuy nhiên, lịch sử công nghiệp hóa tại các quốc gia Đông Á cũng cho thấy, mở rộng lắp ráp chỉ là giai đoạn đầu; các nền kinh tế thành công đã dùng giai đoạn này để hình thành các nhà sản xuất, cung cấp nội địa, tích lũy kỹ năng, mua và làm chủ công nghệ, rồi chuyển sang thiết kế, thương hiệu và dịch vụ. Vì vậy, thành công của Việt Nam sau năm 2025 phải được đo bằng mức độ giảm bớt tính dễ tổn thương, không chỉ bằng tổng kim ngạch thương mại.

Thứ nhất, xây dựng bản đồ phụ thuộc chuỗi cung ứng theo sản phẩm và doanh nghiệp, ưu tiên các lĩnh vực, như: chất bán dẫn – hàng điện tử, thiết bị năng lượng, sản phẩm dệt may - da giày, hóa chất và vật liệu. Chỉ tiêu theo dõi gồm hạn mức nhập khẩu, thời gian thay thế, giá trị nội địa và nhà cung cấp cấp một để thiết kế dự trữ, nguồn thay thế và cảnh báo sớm.

Thứ hai, chuyển chính sách FDI từ ưu đãi dựa trên vốn và đất sang cam kết về nhà cung cấp, kỹ năng, R&D và giá trị gia tăng. Quyết định 667/QĐ-TTg ngày 02/06/2022 phê duyệt Chiến lược hợp tác đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021–2030 và Quyết định 165/QĐ-TTg ngày 28/02/2023 phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương đến năm 2030 là hai văn bản quan trọng của Thủ tướng Chính phủ định hướng phát triển kinh tế, công nghiệp và thu hút đầu tư, đã đặt nền tảng; bước tiếp theo là lượng hóa phát triển nhà cung cấp và gắn ưu đãi với hiệu quả lan tỏa.

Thứ ba, thiết lập chương trình phát triển nhà cung cấp quốc gia theo cụm ngành, kết nối các tập đoàn có vốn FDI với doanh nghiệp Việt Nam qua cơ sở dữ liệu tiêu chuẩn, tư vấn cải tiến, tín dụng chuỗi cung ứng và đồng tài trợ chứng nhận. Hỗ trợ công phải gắn với trách nhiệm về năng suất và chất lượng.

Thứ tư, đa dạng hóa cần thực hiện có chọn lọc, không theo hướng thay đổi toàn bộ

¹⁹ World Bank: “Viet Nam 2045: Trading Up in a Changing World”, TLĐĐ, tr. 32–33.

các nhà cung ứng đầu vào từ Trung Quốc bằng nguồn đất hơn. Với đầu vào phổ thông, tiếp tục khai thác hiệu quả mạng lưới RCEP; với linh kiện chiến lược, xây dựng ít nhất hai nguồn cung ở các khu vực khác nhau; với công nghệ lõi, ưu tiên hợp tác cùng Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, EU và Đài Loan trên cơ sở bảo đảm an ninh dữ liệu và quyền sở hữu trí tuệ. Cách làm này sẽ giảm thiểu rủi ro mà không phá vỡ lợi thế quy mô của Đông Á.

Thứ năm, coi xuất xứ hàng hóa và sự tuân thủ các cam kết với các đối tác là năng lực cạnh tranh. Hệ thống chứng từ điện tử, truy xuất nguồn gốc đến nhà cung cấp, kiểm soát giao dịch liên kết và cơ chế phối hợp hải quan - công thương - đầu tư cần được nâng cấp trước khi phát sinh vụ việc. Đối thoại với Hoa Kỳ phải hướng đến tiêu chí minh bạch về “chuyển tải”, hàm lượng nội địa và ngoại lệ cho sản phẩm phù hợp; đồng thời duy trì nguyên tắc không để cạnh tranh nước lớn làm suy giảm quyền tự chủ trong lựa chọn đối tác.

Tóm lại, cơ hội lịch sử của Việt Nam không nằm ở việc đứng giữa Mỹ và Trung Quốc, mà ở khả năng biến vị trí trung gian thành năng lực nội sinh. Nếu chính sách chỉ chạy theo dòng vốn dịch chuyển, Việt Nam sẽ mang thêm rủi ro đến từ hai đối tác. Nếu dùng giai đoạn tái cấu trúc để xây dựng doanh nghiệp, kỹ năng, công nghệ và thể chế truy xuất, Việt Nam có thể chuyển từ “nền kinh tế kết nối” để trở thành một trung tâm sản xuất có quyền lựa chọn lớn hơn trong trật tự kinh tế khu vực Đông Á đang trong quá trình định hình lại./.

Tài liệu tham khảo

Bộ Công Thương (2022), *Báo cáo Xuất nhập khẩu Việt Nam 2021*, Nhà xuất bản Công Thương, Hà Nội.

Bộ Công Thương (2025), *Báo cáo Xuất nhập khẩu Việt Nam 2024*, Nhà xuất bản Công Thương, Hà Nội.

Bureau of Industry and Security (BIS) (2022), “Commerce Implements New Export Controls on Advanced Computing and Semiconductor Manufacturing Items to the People’s Republic of China”, 7/10/2022.

Cục Thống kê (2026), “Báo cáo tình hình kinh tế – xã hội quý IV và năm 2025”, 5/1/2026.

Farrell, H. và Newman, A. L. (2019), “Weaponized Interdependence: How Global Economic Networks Shape State Coercion”, *International Security*, 44(1), tr. 42–79.

Gopinath, G., Gourinchas, P.-O., Presbitero, A. F. và Topalova, P. (2024), *Changing Global Linkages: A New Cold War?*, IMF Working Paper WP/24/76.

金丹 (2018), “一带一路”背景下中越产能合作研究, *技术经济与管理研究*, 2018年第8期, 第117–121页。

Keohane, R. O. và Nye, J. S. Jr. (2011), *Power and Interdependence*, 4th ed., Longman, Boston.

Lê Trung Kiên và Nguyễn Việt Lâm (2021), *Cạnh tranh công nghệ Mỹ–Trung Quốc*

thời đại 4.0, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

Rotunno, L., Roy, S., Sakakibara, A. và Vézina, P.-L. (2024), *Trade Policy and Jobs in Vietnam: The Unintended Consequences of US-China Trade Tensions*, IMF Working Paper WP/24/263.

Schulze, T. và Xin, W. (2025), *Demystifying Trade Patterns in a Fragmenting World*, IMF Working Paper WP/25/129.

Thủ tướng Chính phủ (2022), Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 2/6/2022 phê duyệt Chiến lược hợp tác đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021–2030.

Thủ tướng Chính phủ (2023), Quyết định số 165/QĐ-TTg ngày 28/2/2023 phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn đến năm 2030.

Thủ tướng Chính phủ (2024), Quyết định số 1018/QĐ-TTg ngày 21/9/2024 ban hành Chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn 2050.

United States Trade Representative (USTR) (2018), “USTR Issues Tariffs on Chinese Products in Response to Unfair Trade Practices”, 15/6/2018.

White House (2025), “Joint Statement on a United States–Viet Nam Framework for an Agreement on Reciprocal, Fair, and Balanced Trade”, 26/10/2025.

World Bank (2024), *Viet Nam 2045: Trading Up in a Changing World—Pathways to a High-Income Future*, Washington, D.C.

VIETNAM IN THE RESTRUCTURING OF EAST ASIAN SUPPLY CHAINS AMIDST US–CHINA STRATEGIC COMPETITION (2018–2025)

Tran Nam Trung

The article examines Vietnam’s position in the restructuring of East Asian supply chains amid intensifying US–China strategic competition during the 2018–2025 period. Using historical and comparative approaches, combined with an analysis of official trade, investment, and value-added data, the study distinguishes between “trade reallocation” and “trade rerouting”. The findings show that Vietnam has gradually evolved from a conventional “China+1” destination into a key link connecting East Asian input suppliers with the US market. Domestic value-added in several strategic product groups has increased, accompanied by substantial growth in production, exports, and employment. However, these gains have not yet translated into sustainable economic upgrading. Imports of intermediate inputs from China have risen sharply, while linkages between the FDI sector and domestic enterprises remain limited. At the same time, Vietnam faces growing risks related to rules of origin, tariffs, technology controls, and increasingly stringent green standards. The article therefore argues for a policy shift away from a primary focus on attracting relocated investment toward strengthening production capacity in supporting industries, increasing domestic value-added, promoting selective supply-chain diversification, and enhancing technological autonomy.

Keywords: East Asia; Strategic competition; supply chains; US–China; Vietnam.